

pendo-PREGABALIN 150 mg

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Để xa tầm tay trẻ em.
- Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nang cứng chứa:
- Pregabalin 150 mg

- Tá dược: Starch 1500, Talc, Nang cứng gelatin số 2.

DẠNG BÀO CHẾ: Viên nang cứng.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

- Hộp 1 vỉ 15 viên, hộp 4 vỉ 15 viên, hộp 10 vỉ 15 viên.

CƠ SỞ SẢN XUẤT:

Nhà máy: Pregabalin là một thuốc chống co giật và giảm đau.

Mã ATC: N03AX16

Pregabalin gắn kết với 1 đơn vị protein α - δ protein của các kênh calcii mang điện thế trong các mô của hệ thống thần kinh trung ương. *In vitro*, pregabalin làm giảm đóng chảy chất calcii. Qua cơ chế này, pregabalin có thể điều chỉnh xung động thần kinh liên quan đếnదan truyền con đau.

Tuy nhiên, mỗi lần trên lâm sàng có những phát hiện này ở người chưa được biết.

Pregabalin gắn kết với protein α - δ protein (một đơn vị protein của kênh calcii) của màng và có tác dụng giảm đau, chống đồng kinh và giảm lo âu. Vật lý hóa học, pregabalin là (~~-)- α -(5-methyl-1-phenyl-5-oxohexyl)- γ -butyrolactone.~~

Mặc dù có tác dụng của pregabalin chưa được biết chính xác, các kết quả trên chuột nhất biến đổi gene và các hợp chất có cấu trúc liên quan đến pregabalin cho thấy rằng gắn kết chọn lọc với protein α - δ , delta là cần thiết cho tác động giảm đau, chống đồng kinh và giảm căng thẳng thần kinh trong các mô hình thử nghiệm trên động vật. *In vitro*, pregabalin làm giảm phản ứng của một số chất dẫn truyền thần kinh, gợi ý về tác động điều chỉnh trên chức năng kênh calcii.

Pregabalin không bắt chước tác dụng của GABA_A các thụ thể GABA_A, hoặc GABA_B, cũng không tăng các đáp ứng GABA_A, như các benzodiazepin hoặc barbiturat. Ngoài ra với các chất chẹn kênh calcii trên màng mạc, pregabalin không làm thay đổi huyết áp hệ thống hay chức năng tim. Các kết quả *in vitro* và *in vivo* khác phân biệt pregabalin với các chất ức chế hắc GABA hoặc chất ức chế GABA transaminase. Ngoài ra, pregabalin không chẹn các kênh natri, không có hoạt tính tái tạo thụ thể opiat, không làm thay đổi hoạt tính enzym cyclooxygenase, không phải là chất đóng vai serotonin, không phải là chất đối kháng dopamin, và không là chất ức chế tái hấp thu dopamin, serotonin hay noradrenalin.

Điều trị với pregabalin làm giảm hành vi liên quan đến đau trên các mô hình động vật và hệ thống thần kinh trong bệnh đại tháo đường, tổn thương dây thần kinh ngoại biên hay đau do hóa trị và đau liên quan đến xương. Chích pregabalin vào màng não tuy nhiên không giảm đau, giảm các hành vi liên quan đến đau gay gắt do các tác nhân được chích vào tủy sống, kết quả gợt rõ ràng pregabalin tác động trực tiếp lên các mô tủy sống hoặc não.

ĐƯỢC DÙNG HỌC:

Tất cả các dùng được lý do khi dùng pregabalin là do tác động của hợp chất gốc, pregabalin không được chia thành hóa chất riêng.

Được đồng ống định của pregabalin là giống nhau trên những người tình nguyện khỏe mạnh, các bệnh nhân có kinh đang dùng thuốc chống đồng kinh và các bệnh nhân đau mòn.

Hợp thu:

Pregabalin được hấp thu nhanh khi uống lỏng, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được sau 1,5 giờ trong cả dùng liều đơn và liều đa.

Sinh khả dụng đường uống của pregabalin ≥ 90% và phụ thuộc vào liều dùng. Trong dùng nhắc lại, tinh trạng ổn định đạt được trong 24-48 giờ. Tỷ lệ hấp thu của pregabalin giảm khi dùng cùng thức ăn dân dụng C_{max} giảm khoảng 25-30% và kéo dài ~30 khoảng 3 giờ. Tuy nhiên, dùng pregabalin cùng thức ăn không có ảnh hưởng làm tăng nồng độ nhanh đến mức độ hấp thu pregabalin.

Phản ứng:

Trong các nghiên cứu tiền lâm sàng, pregabalin dễ dàng qua hàng rào máu não để chuột nhắt, chuột cõi và khỉ. Pregabalin sau đó nhanh chóng bị chuyển hóa thành các sản phẩm bài tiết.

Chích怀孕:

Pregabalin được chia thành hai dạng: *in vivo* và *in vitro*.

In vivo: Pregabalin không có ảnh hưởng làm tăng nồng độ nhanh đến mức độ hấp thu.

In vitro: Pregabalin không có ảnh hưởng làm tăng nồng độ nhanh đến mức độ hấp thu.

Thực hiện:

Pregabalin được thải trừ khỏi hệ thống thận chủ yếu do bài tiết qua thận dưới dạng không đỏi. Thời gian bán thải trung bình của pregabalin là 6,3 giờ. Thanh thải pregabalin huyết tương và thanh thải tinh thể đều bằng với thời gian tái tạo của protein huyết tương.

Điều chỉnh liều trên các bệnh nhân giảm chức năng thận hoặc thẩm thách máu là cần thiết.

Tuyệt đối không dùng cho phụ nữ có thai.

Được đồng ống định của pregabalin là tuyệt đối trong khoảng liều đơn hàng ngày.

Khoảng thời gian điều trị ngắn hơn 10% (≤ 20%). Các đặc tính được đồng

học của liều da có thể do các liều của liều đơn.

CHỈ ĐỊNH:

- Điều trị đau do nguyên nhân thần kinh ở người lớn:

+ Đau dây thần kinh ngoại vi ở bệnh nhân đau tháo đường.

+ Đau dây thần kinh sau bệnh Herpes.

+ Đau dây thần kinh do tổn thương tủy sống.

- Điều trị đau do cơ xơ hóa.

LIỆU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:

Cách dùng: Dùng uống, dùng cũng hoặc không dùng với thức ăn.

Lưu ý: Đau do nguyên nhân thần kinh

Liệu khói đầu khuyên cáo là 150 mg/ngày, uống cùng hoặc không cùng với thức ăn ở bệnh nhân có độ thanh thải creatinin ít nhất 60 mL/phút. Hiệu quả của pregabalin được thấy rõ trong tuần đầu tiên.

Nồng độ dùng của pregabalin được tăng lên bởi droperidol, hydroxyzin, methotriprazin.

Nồng độ và tác dụng của pregabalin bị giảm bởi ketorolac, ketorolac (nhô mũi), ketorolac (đường toàn thân), mefloquin.

Tương tác với các thuốc khác:

Pregabalin có thể làm tăng nồng độ các thuốc như carbamazepin, acid valproic, lamotrigin, phenytoin, phenobarbital, topiramat, gabapentin, lorazepam, oxycodon hoặc ethanol. Phản ứng tích hợp có thể xảy ra.

Điều chỉnh liều theo chức năng thận:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chức năng thận:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo trọng lượng:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo tuổi:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo giới tính:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày.

Điều chỉnh liều theo chế độ:

Tùy theo liều đơn hàng ngày